

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Đơn vị chủ trì theo dõi đánh giá
1	Tỷ trọng kinh tế số	%	>30%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp cho tăng trưởng kinh tế	%	>50%	Thống kê tỉnh
3	Sở, ban, ngành hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành chia sẻ, tích hợp về kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước được thực hiện trên môi trường số dựa trên dữ liệu; hình thành cơ sở dữ liệu chỉ đạo điều hành kết nối với phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình	%	90	Văn phòng UBND tỉnh
6	Dữ liệu chuyên ngành được đánh giá mức độ trưởng thành và chia sẻ qua nền tảng LGSP	%	100	Công an tỉnh
7	Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh và tất cả các xã/phường	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ

8	Mỗi xã/phường có ít nhất 01 điểm đổi mới sáng tạo hoặc không gian sáng tạo	Điểm/Xã, phường	≥ 01	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Thu hút tối thiểu 01 tập đoàn công nghệ lớn đầu tư vào các lĩnh vực: bán dẫn, AI, dữ liệu số, tự động hóa, năng lượng xanh	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 01	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế (thực hiện thu hút đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao), Sở Tài chính (thực hiện thu hút đầu tư ngoài các khu trên),
10	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D), trong đó kinh phí từ xã hội chiếm 40% -70%.	% GRDP	> 01	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; chú trọng phát triển nhân lực trong khu vực doanh nghiệp	người/vạn dân	12	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Hình thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai	Trung tâm	≥ 01	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Tỷ lệ kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ có nguồn tài trợ từ ngân sách nhà nước được thương mại hoặc ứng dụng thực tế	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng	%/năm	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng	%/năm	16-18	Sở Khoa học và Công nghệ

16	Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại trên tổng số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ	%	8-10	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Hoàn thành và đưa vào vận hành Khu Công nghệ số tập trung Long Thành, Khu công nghệ cao, Khu đổi mới sáng tạo gắn với đô thị sân bay Long Thành		≥ 01 khu vực	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng số cơ bản	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng số nâng cao	%	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Công dân số	%	≥ 80	Công an tỉnh
21	Xếp hạng chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI)	Thứ bậc	Xếp hạng ở nhóm 03 tỉnh, thành dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ bậc	Xếp hạng ở nhóm 03 tỉnh, thành dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Ứng dụng IoT, AI trong các lĩnh vực; triển khai thí điểm ứng dụng công nghệ truyền dẫn không dây thế hệ mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		Triển khai hạ tầng IoT ở mức cơ bản	Sở Khoa học và Công nghệ
24	Triển khai hợp không giấy cho Sở, ban, ngành, địa phương	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ

25	Triển khai đô thị thông minh tối thiểu cho địa phương		≥ 02 địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
26	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử phát sinh nhu cầu giao dịch	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
27	Tỷ lệ người sử dụng cuối có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 01Gbps	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
28	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 80	Sở Y tế
29	Học sinh phổ thông tiếp cận với STEM	%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
30	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
31	Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh thực hiện phương thức thanh toán số	%	≥ 90	Sở Khoa học và Công nghệ
32	Triển khai mạng viễn thông vệ tinh sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp		Triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ
33	Hình thành mô hình nền kinh tế tầm thấp trên địa bàn tỉnh		Triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
I	Nâng cao nhận thức và hoàn thiện cơ chế, chính sách				
1	Triển khai nhiệm vụ tuyên truyền các hoạt động liên quan đến việc triển khai Kế hoạch	Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bài báo, tin thời sự, sự kiện; phóng sự/phim tổng kết hoạt động	Thường xuyên
2	Điều chỉnh trong dự toán ngân sách năm 2026 để bố trí ít nhất 1% GRDP ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tiếp tục nâng lên 2% GRDP trong 5 năm tiếp theo	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Ngân sách được bố trí đáp ứng yêu cầu	Năm 2026-2030
3	Xây dựng Đề án thí điểm cơ chế đặt hàng công nghệ và đồng tài trợ R&D theo mô hình 3 nhà.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; Trường/Viện Nghiên cứu trên địa bàn	Đề án được UBND phê duyệt	Năm 2026
4	Tham mưu ban hành Kế hoạch hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ phục vụ phát triển thị trường Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026-2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt	Năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
5	Tham mưu ban hành bộ tiêu chí đánh giá mức độ trưởng thành của dữ liệu, triển khai kiểm tra và đánh giá	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành	Quyết định ban hành bộ tiêu chí; Triển khai đánh giá ban hành văn bản công nhận mức độ	Năm 2026-2030
6	Ban hành Khung kiến trúc dữ liệu số tỉnh Đồng Nai	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2026
II	Phát triển hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số				
7	Xây dựng Bản đồ công nghệ chiến lược tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh	Nhiệm vụ/dự án	Năm 2026
8	Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành chia sẻ, tích hợp về kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Triển khai nhiệm vụ/dự án chuyển đổi toàn bộ dữ liệu quản lý điều hành hình thành dạng Hệ thống thông tin	Giai đoạn 2026-2027
9	Hình thành cơ sở dữ liệu chỉ đạo điều hành kết nối với phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương hành chính có liên quan	Phân hệ chỉ đạo điều hành gắn với phần mềm QLVB&ĐH	Giai đoạn 2026-2027

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
10	Triển khai Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình/Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh	Năm 2026
11	Hoàn thành trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh và tất cả các xã/phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các địa phương	Nhiệm vụ/kế hoạch/dự án	Giai đoạn 2026-2027
12	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng IoT, AI, Blockchain trong các lĩnh vực (<i>ưu tiên các lĩnh vực: Truy xuất nguồn gốc hàng hóa; Xây dựng bản sao số đô thị; Thanh toán xuyên biên giới; Trợ lý ảo; AI Agent; Machine Learning; Deep Learning; Xác thực hồ sơ y tế; Chứng thực văn bằng sử dụng công nghệ chuỗi khối</i>)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Các Tổ chức tài chính, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026 và các năm tiếp theo
13	Triển khai hệ thống điều hành giao thông thông minh	Công an tỉnh	Sở Xây dựng, các địa phương	Giải pháp được triển khai	Quý II/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
14	Hình thành mô hình nền kinh tế tầm thấp trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ban quản lý Khu Công nghiệp, khu Kinh tế	Mô hình	Giai đoạn 2027-2029
15	Hình thành Khu Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tại Phường Đồng Xoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, UBND Phường Đồng Xoài	Đề án/Khu được phê duyệt	Giai đoạn Quý IV năm 2026-năm 2029
16	Triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2026 tầm nhìn đến năm 2030	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành	CSDL được tích hợp và làm sạch	Giai đoạn 2026-2030
17	Triển khai thí điểm Token hóa tài sản thực (Doanh nghiệp, sản phẩm) để huy động nguồn vốn (góp) vào tỉnh Đồng Nai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã, phường; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh	Mã thông báo kỹ thuật số (tokens) các tài sản thực	Giai đoạn 2026-2030
III	Thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực				
18	Xây dựng Kế hoạch cải thiện chỉ số DTI và chỉ số PII	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Xếp hạng: - (DTI) ≤ 4 - (PII) ≤ 4	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
19	Mỗi xã/phường có ít nhất 01 điểm đổi mới sáng tạo hoặc không gian sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các địa phương	Nhiệm vụ/kế hoạch/dự án	Giai đoạn 2026-2027
20	Đề án/Kế hoạch chuyển đổi số toàn diện ngành giáo dục và đào tạo, tập trung vào phát triển hạ tầng số, số hóa dữ liệu, đào tạo kỹ năng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT), tăng cường giáo dục STEM	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính; các địa phương	Đề án/Kế hoạch được ban hành	Quý III/2026
21	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “Bình dân học vụ số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình/ Kế hoạch của UBND tỉnh	Thường xuyên
22	Xây dựng triển khai các nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu bao gồm: - Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử phát sinh nhu cầu giao dịch đạt tối thiểu trên 70%. - Tỷ lệ người sử dụng cuối có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên	Sở Khoa học và Công nghệ	Gắn nhiệm vụ với Tổ Công nghệ số cộng đồng	Kế hoạch của UBND tỉnh/Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026 và các năm tiếp theo

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	01Gbps đạt 100%. - Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử $\geq 95\%$. - Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp $\geq 80\%$. - 90% tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh thực hiện phương thức thanh toán số				
23	Triển khai hệ thống chiếu sáng thông minh tại các địa phương	UBND các xã, phường	Sở Xây dựng	Hệ thống chiếu sáng tại một số điểm công cộng phục vụ người dân	Giai đoạn 2026-2030
24	Đề án chuyên đổi số trong Công an tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Đề án	Giai đoạn 2026-2045
IV	Phát triển khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực				
25	Thu hút tối thiểu 01 tập đoàn công nghệ lớn đầu tư vào các lĩnh vực: bán dẫn, AI, dữ liệu số, tự động hóa, năng lượng xanh.	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, BQL các KCN, KKT, Sở Ngoại vụ	Tối thiểu 01 tập đoàn công nghệ lớn đầu tư	Giai đoạn 2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
26	Đào tạo, hình thành chính sách thu hút nguồn nhân lực chuyên sâu về bán dẫn, IoT, Trí tuệ nhân tạo, Dữ liệu lớn..., chuẩn bị cho Khu Công nghệ số tập trung Long Thành.	Trường Đại học Đồng Nai, Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, BQL các KCN, KKT, các Trường Đại học Lạc Hồng và các cơ sở đào tạo khác trên địa bàn tỉnh	Mỗi năm đào tạo từ 100 đến 200 chuyên gia	Giai đoạn 2026-2030
27	Hoàn thành và đưa vào vận hành Khu Công nghệ số tập trung Long Thành, Khu công nghệ cao, Khu đổi mới sáng tạo gắn với đô thị sân bay Long Thành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã Long Thành và các địa phương có liên quan	Lập quy hoạch và thủ tục hình thành khu	Giai đoạn 2026-2030
28	Thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Quyết định của UBND tỉnh	Giai đoạn 2026-2027
29	Hình thành đô thị thông minh	UBND các địa phương được lựa chọn	Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ	Mô hình được hình thành	Giai đoạn 2027- 2030
30	Triển khai mạng viễn thông vệ tinh sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, Sở Tài chính; Các Doanh nghiệp viễn thông	Trạm vệ tinh tầm thấp được triển khai	Giai đoạn 2027-2029
V	Cải cách hành chính và bảo đảm an ninh thông tin				
31	Đào tạo chứng chỉ AI văn phòng cho CBCC, VC trên địa bàn tỉnh, gắn với chỉ tiêu tuyển dụng CBCC, VC vào các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Chứng chỉ có giá trị pháp lý gắn với tiêu chuẩn CBCC, VC	Năm 2026 và các năm tiếp theo

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
32	Xây dựng và triển khai đề án số hóa tài liệu lưu trữ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đề án do UBND tỉnh phê duyệt	Năm 2026 và các năm tiếp theo
33	Triển khai Trung tâm điều hành tác chiến quản lý an ninh trật tự	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống thông tin	Năm 2026 và các năm tiếp theo
34	Xây dựng Trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC) tỉnh Đồng Nai	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Hệ thống thông tin	Năm 2026-2029